

BÀI HỌC TUẦN 8 TOÁN 6 HKI NĂM HỌC 2021-2022
HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN BÀI CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH
TRONG THỰC TIỄN.

Bài 1:

Giải :

a) $S = 20 \cdot 5 = 100 \text{ (cm}^2\text{)}$

b) Đổi đơn vị: $20 \text{ dm} = 2 \text{ m}$

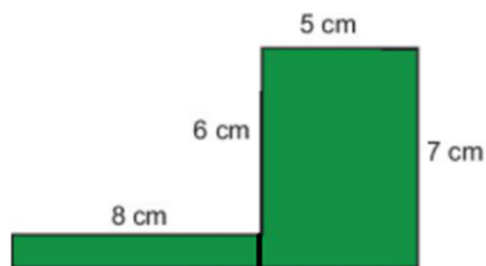
$\Rightarrow S = \frac{5 \cdot 2}{2} = 5 \text{ (m}^2\text{)}$

c) $S = \frac{(5+3,2) \cdot 4}{2} = 16,4 \text{ (m}^2\text{)}$

Bài 2:

Giải :

a)



Diện tích hình được tô màu bằng tổng diện tích hai hình chữ nhật.

- $S_{\text{hcn lớn}} = 5 \cdot 7 = 35 \text{ (cm}^2\text{)}$

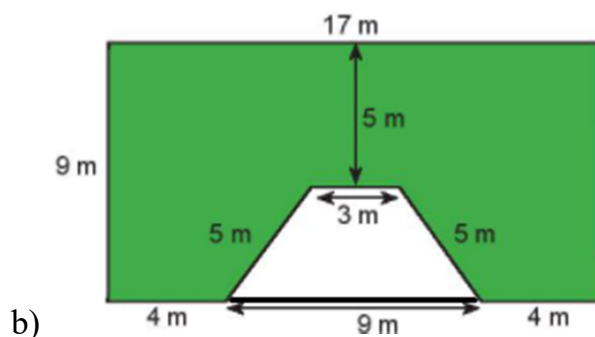
Chiều rộng hcn nhỏ là: $7 - 6 = 1 \text{ cm}$

- $S_{\text{hcn nhỏ}} = 8 \cdot 1 = 8 \text{ (cm}^2\text{)}$

\Rightarrow Diện tích hình được tô màu là:

$35 + 8 = 43 \text{ (cm}^2\text{)}$

Vậy Diện tích hình được tô màu bằng **43 cm²**.



Diện tích hình được tô màu bằng diện tích hình chữ nhật lớn trừ cho diện tích hình thang cân.

Diện tích hình chữ nhật là:

$$17 \cdot 9 = 153 \text{ m}^2$$

Chiều cao hình thang cân là:

$$9 - 5 = 4 \text{ m}$$

Diện tích hình thang cân là:

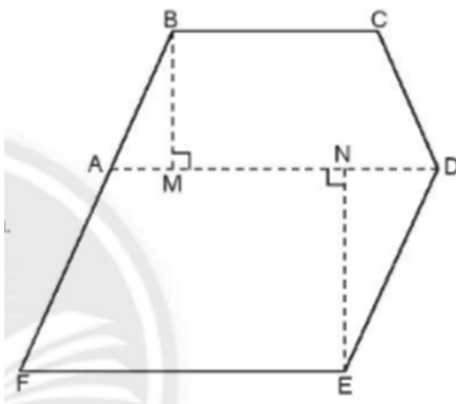
$$\frac{(9+3) \cdot 4}{2} = 24 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích hình được tô màu là:

$$153 + 24 = 177 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vậy Diện tích hình được tô màu bằng **177 m²**.

Bài 3 :



Diện tích mảnh vườn bằng tổng diện tích hình thang cân ABCD và hình bình hành ADEF.

Diện tích hình thang cân ABCD là:

$$\frac{(BC + AD) \cdot BM}{2} = \frac{(30 + 42) \cdot 22}{2} = 792 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích hình bình hành ADEF là:

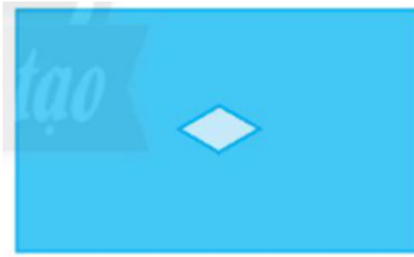
$$AD \cdot EN = 42 \cdot 28 = 1\,176 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích mảnh vườn là:

$$S_{\text{vườn}} = S_{\text{ABCD}} + S_{\text{ADEF}} = 792 + 1\,176 = 1\,968 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vậy Diện tích mảnh vườn bằng **1968 m²**.

Bài 4:



Diện tích phần còn lại của mảnh vườn bằng diện tích cả mảnh vườn trừ cho diện tích bồn hoa hình thoi.

Diện tích mảnh vườn là:

$$S_{\text{mảnh vườn}} = 25 \cdot 15 = 375 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích hình thoi là:

$$S_{\text{thoi}} = \frac{5 \cdot 3}{2} = 7,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích phần còn lại của khu vườn là:

$$S_{\text{còn lại}} = 375 - 7,5 = 367,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vậy Diện tích phần còn lại của mảnh vườn bằng **367,5 m²**.

TIẾT 56 + 57 + 58: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 3

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

1. B 2. C 3. A

BÀI TẬP TỰ LUẬN

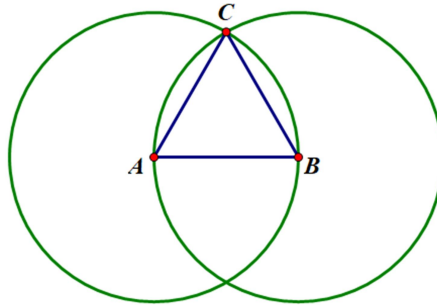
Bài 1 :

a) *Vẽ tam giác đều ABC cạnh 5 cm:*

+ Vẽ đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$.

+ Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 5cm.

Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B, ta được **tam giác đều ABC**.



b) *Vẽ hình chữ nhật ABCD có một chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm.*

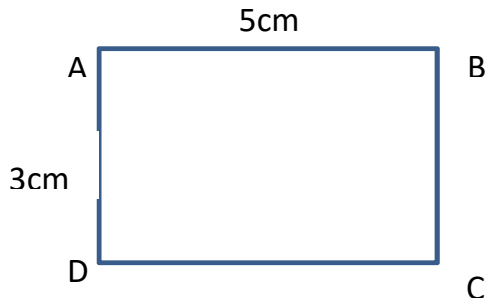
+ Vẽ đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$.

+ Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Trên đường thẳng đó, lấy điểm D sao cho $AD = 3\text{cm}$.

+ Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Trên đường thẳng đó lấy điểm C sao cho $BC = 3\text{cm}$.

+ Bước 4: Nối D với C .

=> Ta được **hình chữ nhật ABCD**.



b) *Vẽ hình vuông ABCD cạnh 3cm:*

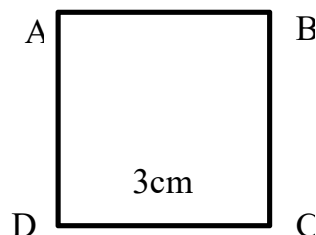
+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng $AB = 3\text{cm}$.

+ Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A . Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho $AD = 3\text{cm}$.

+ Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B . Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho $BC = 3\text{cm}$.

+ Bước 4: Nối C với D ta được hình vuông $ABCD$.

=> Ta được **hình vuông ABCD**.



d) *Vẽ hình bình hành ABCD có hai cạnh liên tiếp là 6cm, 8cm và chiều cao bằng 4cm.*

+ Vẽ đoạn thẳng $AB = 8\text{cm}$.

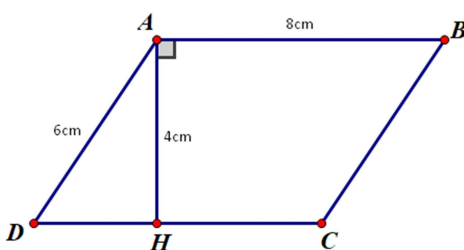
+ Dựng đoạn thẳng AH vuông góc với AB : $AH = 4\text{cm}$.

+ Qua H dựng đường thẳng d song song với AB

+ Vẽ đoạn thẳng đi qua A . đoạn thẳng đó cắt đường thẳng d tại điểm D : $AD = 6\text{cm}$.

+ Vẽ đường thẳng đi qua B và song song với AD . => $BC = AD = 6\text{cm}$

=> Ta được **hình bình hành ABCD**.



e) *Vẽ hình thoi cạnh dài 5 cm:*

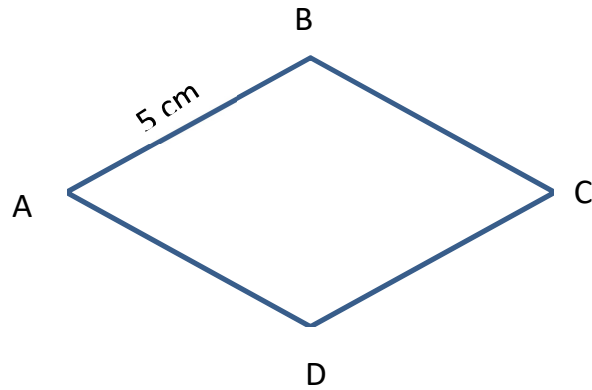
+ Vẽ đoạn thẳng $AB = 3\text{cm}$.

+ Vẽ đường thẳng đi qua B . Lấy điểm C trên đường thẳng đó sao cho $BC = 3\text{cm}$.

+ Vẽ đường thẳng đi qua C và song song với cạnh AB . Vẽ đường thẳng đi qua A và song song với cạnh BC .

+ Hai đường thẳng này cắt nhau tại D

=> Ta được hình thoi ABCD.



Bài 3:



Hình trên gồm các hình:

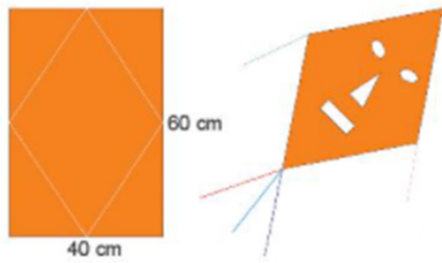
- + Hình thoi
- + Hình tam giác đều.
- + Hình thang cân.
- + Hình lục giác đều.

Bài 5:



- Hình trên gồm 6 hình thang cân và 2 lục giác đều.

Bài 7:

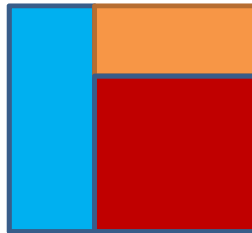


Từ hình vẽ => Độ dài hai đường chéo của hình thoi lần lượt là 60 cm, 40 cm.

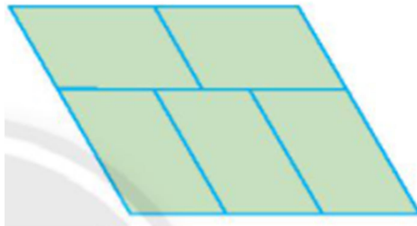
Diện tích của con diều là:

$$S = \frac{1}{2} \cdot 60 \cdot 40 = 1\,200 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Bài 2 : Hình vuông sau khi ghép:



Bài 4: Hình bình hành sau khi ghép:



Bài 6: Hình bình hành sau khi cắt ghép 6 hình tam giác đều:



ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022

ĐỀ 1.

Bài 1:

- a) Viết tập hợp A các số tự nhiên chẵn lớn hơn 18 và không vượt quá 26 bằng hai cách
- b) Điền kí hiệu (\in, \notin) thích hợp vào ô vuông
- 18 \square A 26 \square A 25 \square A 22 \square A

Bài 2. Tìm ƯCLN (54, 42, 48) và BCNN (48, 72, 90)

Bài 3. Thực hiện phép tính:

- a) $27 : 3 + 7 \cdot 8 - 29$
- b) $24.143 + 57.24 + 200$
- c) $(2011 - 2003)^2 + 3^{10} : 3^7 - 2012^0$

Bài 4. Tìm số tự nhiên x, biết:

- a) $72 - 5x = 22$
- b) $(7x - 15) \cdot 8 - 21 = 27$.
- c) $66 : x$ và x là nguyên tố.
- d) $x : 9$ và $17 \leq x \leq 45$.

Bài 5. Số học sinh khối 6 của một trường THCS trong quận Tân Bình từ 300 đến 400 học sinh. Biết rằng số học sinh đó khi xếp hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường THCS.

Bài 6. Để hưởng ứng Tháng An toàn Giao thông, một nhà Doanh nghiệp có tặng cho trường THCS A trong quận Tân Bình 252 nón bảo hiểm và 180 cặp học sinh. Hiệu trưởng trường THCS A muốn chia đều số nón và số cặp đó vào các phần quà sao cho giữa các phần quà số nón bằng nhau, số cặp học sinh bằng nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần quà và khi đó mỗi phần quà có bao nhiêu nón bảo hiểm, bao nhiêu cặp học sinh?

ĐỀ 2.

Bài 1:

a) Viết tập hợp C các số tự nhiên lẻ lớn hơn hoặc bằng 21 và không vượt quá 27 bằng hai cách

b) Điền kí hiệu (\in, \notin) thích hợp vào ô vuông:

$21 \square C$

$25 \square C$

$26 \square C$

$27 \square C$

Bài 2. Tìm ƯCLN (42, 72, 84) và BCNN (28, 52, 144)

Bài 3. Thực hiện phép tính:

a) $65 - 48 : 12 + 8 \cdot 7$

b) $2018 \cdot 52 + 2018 \cdot 49 - 2018$

c) $2^3 \cdot 5^2 + 2018^0 - (2019 - 2017)^3$

Bài 4. Tìm số tự nhiên x, biết:

a) $75 - 3x = 3 \cdot 3^2$

b) $5(x - 13) + 37 = 137$

c) $x \in B(8)$ và $x \leq 30$

d) $50 : x$ và x là hợp số

Bài 5. Số học sinh khối 6 của một trường khoảng từ 300 học sinh đến 500 học sinh. Khi xếp tất cả học sinh thành hàng 10, hàng 12, hàng 16 thì vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường.

Bài 6. Trong một buổi liên hoan, ban tổ chức đã mua 96 cái kẹo, 36 cái bánh và chia đều chúng vào các đĩa, mỗi đĩa gồm có cả kẹo và bánh sao cho số lượng của mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu bánh và bao nhiêu kẹo?

NỘI DUNG GHI BÀI MÔN VĂN 6

Tuần 8

Chủ đề 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

Văn bản 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

I. Tìm hiểu chung

1. Đọc
2. Tìm hiểu từ khó

II. Tìm hiểu văn bản

1. Bài ca dao 1

- Nhân vật trữ tình dẫn dắt dạo chơi qua ba mươi sáu phố phường của Hà Nội xưa với niềm tự hào và sự đông đúc nhộn nhịp của phố phường Hà Nội được gọi lên qua những từ ngữ, hình ảnh như: “phồn hoa”, “phố giăng mắc cửi”, “đường quanh bàN cò”.

→ **Thể hiện tình cảm lưu luyến, tự hào.**

2. Bài ca dao số 2:

- Hình thức: đối - đáp của chàng trai và cô gái (cụ thể là lời đố- đáp)
- Thái độ: tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước; thể hiện tình yêu đôi với quê hương đất nư

3. Bài ca dao số 3:

- Bài ca dao không chỉ gợi ra cảnh trí thiên nhiên, non nước mà còn ẩn chứa vẻ đẹp tâm hồn, cốt cách, truyền thống, văn hóa của vùng đất Bình Định
- Đặc điểm thể thơ lục bát qua bài ca dao

<i>Đặc điểm thể loại thơ lục bát</i>	<i>Biểu hiện trong bài ca dao số 3</i>
<i>Số dòng thơ</i>	4 dòng (2 dòng lục, 2 dòng bát)
<i>Số tiếng trong từng dòng</i>	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng
<i>Vần trong các dòng thơ</i>	Phu-cù; xanh- anh- canh
<i>Nhịp thơ của từng dòng</i>	Dòng 1: 2/4 Dòng 2: 4/4 Dòng 3: 4/2 Dòng 4: 4/4

4. Bài ca dao số 4:

- Hình ảnh: “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”: sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho vùng Đồng Tháp Mười
 - Nghệ thuật: điệp từ “sẵn”-> có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu.
- ⇒ **Thể hiện niềm tự hào về sự giàu có, trù phú của thiên nhiên vùng sông nước**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

Từ ngữ, hình ảnh gợi tả, điệp từ

2. Nội dung

Bốn bài ca dao đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương qua vẻ đẹp thiên nhiên, con người, truyền thống lịch sử đấu tranh, văn hoá của vùng đất. Qua đó, tác giả thể hiện tình cảm, sự tự hào về quê hương, đất nước.

Văn bản 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

I. Tìm hiểu chung

1. Đọc
2. Tìm hiểu từ khó

II. Tìm hiểu văn bản

1. Đặc điểm thể loại thơ lục bát trong bài thơ

Đặc điểm thể thơ lục bát trong 4 câu thơ đầu

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Nhịp
Lục		Nam		nước		oi			2/2/2
Bát		mông		lúa		trời		hơn	4/4
Lục		cò		lả		ròn			2/2/2
Bát		mờ		đỉnh		son		chiều	4/4

2. Vẻ đẹp cảnh sắc quê hương

	Xác định	Tác dụng	Tình cảm của tác giả
Những hình ảnh tiêu biểu	<ul style="list-style-type: none">- "mênh mông biển lúa"- "cánh cò bay lả rập rờn".- "mây mờ che đỉnh Trường Sơn".	<ul style="list-style-type: none">- Gọi ra sự trù phú, giàu đẹp.- Gọi ra vẻ đẹp nên thơ, bình dị.- vẻ đẹp vừa thanh bình, yên ả, vừa hùng vĩ của đỉnh Trường Sơn.	Tình yêu quê hương đất nước tha thiết, mãnh liệt; đồng thời thể hiện niềm tự hào về vẻ đẹp của đất nước.
Biện pháp	<ul style="list-style-type: none">- Nhân hóa: "oi"- So sánh: "mênh"	<ul style="list-style-type: none">- Coi đất nước như một con người, làm cho đất nước hiện lên gần gũi,	

tu từ	mông biển lúa đâu trời đẹp hơn” - Đảo ngữ: mênh mông biển lúa	thân thuộc. - Đất nước mình là đẹp nhất, không nơi nào đẹp hơn. - Nhấn mạnh sự rộng lớn.	
--------------	--	---	--

3. Về đẹp của con người Việt Nam

	Hình ảnh, từ ngữ	Tác dụng của hình ảnh, từ ngữ	Biện pháp tu từ	Tình cảm của tác giả
Vẻ đẹp thứ 1 (khổ 1)	+ “Mặt người vất vả in sâu” + "chịu nhiều thương đau" + "áo nâu nhuộm bùn."	Cần cù, chịu thương chịu khó, giản dị	- phóng đại “chìm trong máu lửa” - so sánh “tay người như có phép tiên”	- Niềm tự hào về vẻ đẹp của con người VN. - Lòng biết ơn
Vẻ đẹp thứ 2 (khổ 2)	“Chìm trong máu lửa vùng đứng lên”; “Đạp quân thù xuống đất đen” ; “hiền như xưa”	Kiên cường, mạnh mẽ, anh hùng nhưng cũng rất đổi hiền lành		-Tình yêu quê hương đất nước tha thiết, mãnh liệt.
Vẻ đẹp thứ 1 (khổ 3)	“Yêu trọn tấm lòng thủy chung”	Hồn nhiên, thủy chung, son sắt, trọng nghĩa tình		
Vẻ đẹp thứ 4 (khổ cuối)	Tay người như có phép tiên; trên tre lá dệt nghìn bài thơ	Khéo léo, tài hoa, tỉ mỉ, sáng tạo, chăm chỉ		

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

Thể thơ lục bát kết hợp những biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nói quá.

2. Nội dung

Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên cũng như con người Việt Nam.

TUẦN 8. TIẾNG ANH 6

UNIT 3: FRIENDS

LESSON 1: NEWWORDS – READING

NỘI DUNG BÀI HỌC

Vocabulary

Words	Pronunciation	Meaning/Example
11. Badminton (n)	/ 'bædmɪntən/	Cầu lông
12. Movie (n)	/ 'mu:vi/	Phim ảnh <i>Let's watch a <u>movie</u> tonight.</i>
13. Cake (n)	/keik/	Bánh ngọt <i>There's carrot <u>cake</u> for dessert.</i>
14. Barbecue (n)	/ 'ba:rbɪkjʊ:/	Tiệc nướng ngoài trời <i>She is having a <u>barbecue</u> with her friends.</i>
15. Party (n)	/ 'pa:rti/	Bữa tiệc <i>Did you go to the <u>party</u>?</i>
16. Swimming (n)	/ 'swɪmɪŋ/	Bơi lội <i><u>Swimming</u> is a good form of exercise.</i>
17. Beach (n)	/bi:tʃ/	Bãi biển <i>She often spent summer days at the <u>beach</u>.</i>
18. Mall (n)	/mɔ:l/	Trung tâm thương mại <i>Let's go to the <u>mall</u>.</i>
19. Pizza (n)	/ 'pi:tʃə/	Bánh pi-za
20. TV (n)	/ ,ti: 'vi:/	Ti vi
21. Video game (n)	/ 'vɪdiəʊ geɪm/	Trò chơi điện tử
22. Lazy (Adj)	/ 'leɪzi/	Lười biếng <i>We spent a <u>lazy</u> day on the beach.</i>
23. Selfish >< Unselfish (Adj)	/ 'selfɪʃ/	Ích kỷ >< Không ích kỷ
24. Kind (Adj)	/kaɪnd/	Tử tế
25. Helpful (Adj)	/ 'helpfl/	Có ích <i>She's one of the most <u>helpful</u> people I know.</i>
26. Friendly (Adj)	/ 'frendli/	Thân thiện <i>This is a very <u>friendly</u> neighbourhood.</i>
27. Funny (Adj)	/ 'fʌni/	Buồn cười, vui nhộn <i>He was a very <u>funny</u> guy as well as a kind person.</i>
28. Personality (n)	/ ,pɜ:sə 'næləti/	Tính cách, cá tính

		<i>His wife has a strong <u>personality</u>.</i>
29. Appearance (n)	/ə'piərəns/	<i>She never been greatly concerned about her <u>appearance</u>.</i>

✚ Grammars

The present continuous

Positive			Negative		
I	am	+ V-ing	I	am not	+ V-ing
He/ she/ it/ singular noun / un count noun	is		He/ she/ it/ singular noun / un count noun	isn't	
You/ We/ They/ plural noun	are		You/ We/ They/ plural noun	aren't	
Example: - I am reading a book. - She is swimming. - They are sleeping. - The dog is barking			Example: - I am not joking - She isn't drinking lemon juice. - We aren't going to school. - My parents are sleeping.		
Yes – No question			Short answer		
to be	Subject	V-ing	Yes,	I	am
Am	I	+ V-ing?	No,		am not
Is	He/ she/ it/ / plural noun		Yes,	she/ it/ singular noun/ plural noun	is
			No,		isn't
Are	You/ We/ They/ plural noun		Yes,	You/ We/ They/ plural noun	are
			No,		aren't
Example: - Is she singing an English song? => Yes, she is/ No, she isn't. - Are you having dinner? => Yes, I am/ No, I'm not. - Are the children crying? => Yes/ they are/ No, they aren't.					

Wh-

Wh- word + am/ is/ are + S + V-ing?

question

Example:

- Who is she talking to? → She is talking to her mother.

- What are you studying? → I am studying English.

EXERCISES

I. Write the following sentences in affirmative, negative and interrogative form

1.(+) We are working on the new show right now.

(-) _____

(?) _____

2.(+) I'm talking on the phone at the moment.

(-) _____

(?) _____

3.(+) He is running very fast

(-) _____

(?) _____

4.(+) Julia is baking a chocolate cake at the moment.

(-) _____

(?) _____

5.(+) Tony and Kaity are helping the teacher right now

(-) _____

(?) _____

II. Rewrite the following using the continuous tense with the word bellow.

1. My/ father/ water/ some plants/ the/ garden.

=> My father _____.

2. My/ mother/ clean/ floor/.

=> My mother _____

3. Mary/ have/ lunch/ her/ friends/ a/ restaurant.

=> Mary is _____

4. They/ ask/ a/ man/ about/ the/ way/ the/ railway/ station.

=> They _____

5. My/ student/ draw/ a/ beautiful/ picture

=> My student _____

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN TUẦN 8

BÀI 12: NHIÊN LIỆU VÀ AN NINH NĂNG LƯỢNG

1. MỘT SỐ NHIÊN LIỆU THÔNG DỤNG

- ✓ Nhiên liệu (chất đốt) khi cháy đều tỏa ra nhiệt và ánh sáng
- ✓ Phân loại:
 - Dựa vào trạng thái: người ta phân loại nhiên liệu thành
 - + Nhiên liệu khí (gas, biogas, khí than,...)
 - + Nhiên liệu lỏng (xăng, dầu, cồn,...)
 - + Nhiên liệu rắn (củi, than đá, nén,...)
 - Dựa vào nguồn gốc và mục đích sử dụng:
 - + Nhiên liệu hạt nhân
 - + Nhiên liệu hóa thạch
 - + Nhiên liệu tái tạo
 - + Nhiên liệu không tái tạo
 - + Nhiên liệu sinh học

2. MỘT SỐ TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG CỦA NHIÊN LIỆU

- ✓ Tính chất: tính chất đặc trưng của nhiên liệu là khả năng cháy và tỏa nhiệt.
- ✓ Ứng dụng: dựa vào tính chất của nhiên liệu mà người ta sử dụng chúng vào mục đích khác nhau. Như đốt cháy than, củi, khí tự nhiên để đun nấu, sưởi ấm, nung gốm, ...

3. SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU AN TOÀN, HIỆU QUẢ

Sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả sẽ giảm thiểu các nguy cơ cháy nổ; tiết kiệm chi phí trong cuộc sống và sản xuất.

4. SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG – AN NINH NĂNG LƯỢNG.

- ✓ An ninh năng lượng là sự đảm bảo đầy đủ năng lượng dưới nhiều dạng khác nhau, ưu tiên các nguồn năng lượng sạch và giá rẻ.

- ✓ Sử dụng các nhiên liệu tái tạo như nhiên liệu sinh học, nhiên liệu xanh thay thế các nhiên liệu hóa thạch là giải pháp sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường có tính chất bền vững và đảm bảo an ninh năng lượng.

BÀI 13: MỘT SỐ NGUYÊN LIỆU

1. MỘT SỐ NGUYÊN LIỆU THÔNG DỤNG

Nguyên liệu là vật liệu tự nhiên (vật liệu thô) chưa qua xử lý và cần được chuyển hóa để tạo ra sản phẩm.

2. MỘT SỐ TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG CỦA NGUYÊN LIỆU

- ✓ Các nguyên liệu khác nhau có tính chất khác nhau như: tính cứng, dẫn điện, dẫn nhiệt, khả năng bay hơi, cháy, hòa tan, phân hủy, ăn mòn,... dựa vào tính chất của nguyên liệu mà ta sử dụng chúng vào những mục đích khác nhau.

3. SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU AN TOÀN, HIỆU QUẢ VÀ ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

a. Khai thác nguyên liệu khoáng sản:

- ✓ Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí, tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ.
- ✓ Nguyên liệu khoáng sản là tài sản của quốc gia. Mọi cá nhân, tổ chức khai thác phải được cấp phép theo Luật Khoáng sản.
 - Tận thu nguyên liệu sẽ làm cạn kiệt tài nguyên
 - Khai thác nguyên liệu trái phép có thể gây nguy hiểm do mất an toàn lao động, ảnh hưởng đến môi trường.

b. Sử dụng nguyên liệu:

- ✓ Nguyên liệu sản xuất không phải là nguồn tài nguyên vô hạn, do đó cần sử dụng chúng một cách hiệu quả, tiết kiệm, an toàn và hài hòa để đảm bảo lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.
 - Sử dụng tối đa chất thải công nghiệp, chất thải dân dụng làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng thay cho nguyên liệu tự nhiên.

- Hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô mà nên đầu tư công nghệ sản xuất những sản phẩm có giá trị.
- Qui hoạch khai thác nguyên liệu quặng, đá vôi theo công nghệ hiện đại, theo qui trình khép kín,... để tăng hiệu suất khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường

BÀI 14: MỘT SỐ LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM

1. MỘT SỐ LƯƠNG THỰC PHỔ BIẾN

a. Một số loại lương thực

- ✓ Lương thực là thức ăn chứa hàm lượng lớn tinh bột, nguồn cung cấp chính về năng lượng và chất bột carbohydrate trong khẩu phần thức ăn.
- ✓ Ngoài ra, lương thực chứa nhiều dưỡng chất khác như protein (chất đạm), lipid (chất béo), calcium, phosphorus, sắt, các vitamin nhóm B (như B1, B2,...) và các khoáng chất

b. Một số tính chất và ứng dụng của lương thực

Dựa vào các tính chất và ứng dụng khác nhau của mỗi loại lương thực mà người ta chế biến thành nhiều sản phẩm ẩm thực có giá trị dinh dưỡng.

2. MỘT SỐ THỰC PHẨM PHỔ BIẾN

- ✓ Một số loại thực phẩm:
Thực phẩm tự nhiên có nguồn gốc từ thực vật (lương thực, rau xanh, trái cây); động vật (thịt, cá); các sản phẩm chế biến từ phương pháp lên men (rượu, bia, nước giải khát);...
- ✓ Thực phẩm (thức ăn) là sản phẩm chứa: chất bột (carbohydrate); chất béo (lipid); chất đạm (protein), ... mà con người có thể ăn hay uống được nhằm cung cấp các chất dinh dưỡng cho cơ thể
- ✓ Thực phẩm có thể bị biến đổi tính chất (màu sắc, mùi vị, giá trị dinh dưỡng...) khi để lâu ngoài không khí, khi trộn lẫn các loại thực phẩm với nhau hoặc bảo quản thực phẩm không đúng cách.

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN LỊCH SỬ

TUẦN 8 TỪ NGÀY 25/10 - 30/10/2021

BÀI 8. AN ĐỘ CỔ ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên.

- Vùng Bắc An là đồng bằng sông An và sông Hằng.
- Ở lưu vực sông An, khí hậu khô nóng, mưa ít do tác động của sa mạc Thar.
- Ở lưu vực sông Hằng, đất đai màu mỡ hơn, mưa nhiều do sự tác động của gió mùa và không có sa mạc.
- Cư dân An Độ cổ đại sinh sống chủ yếu ở lưu vực hai con sông. Họ làm nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi.

2. Xã hội An Độ cổ đại.

- Chế độ đẳng cấp dựa trên sự phân biệt về chủng tộc.
- Xã hội được chia thành các đẳng cấp với những điều luật khắt khe.

3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu.

- Tôn giáo: là quê hương của các tôn giáo lớn trên thế giới, trong đó hai tôn giáo chính là Hin-đu và Phật giáo.
- Chữ viết và văn học:
 - + Có chữ viết từ sớm, đó là chữ Phạn.
 - + Văn học phong phú và nhiều thể loại, tiêu biểu nhất là sử thi.
- Khoa học tự nhiên:
 - + Toán học nổi bật với các số từ 0 đến 9.
 - + Biết sử dụng thuốc tê, thuốc gây mê khi phẫu thuật. sử dụng thảo mộc để chữa bệnh
- Kiến trúc và điêu khắc: công trình kiến trúc đồ sộ, được xây dựng nhiều nơi như chùa hang A-gian-ta và đại bảo tháp San-chi.



NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN ĐỊA 6

Bài 5. VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI.

HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

I. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời

- Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 theo thứ tự xa dần Mặt Trời.
- Ý nghĩa: Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là khoảng cách lí tưởng giúp cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể tồn tại và phát triển.

II. Hình dạng, kích thước của Trái Đất

- Trái Đất có hình cầu.
 - Trái Đất có bán kính Xích đạo là 6 378 km, diện tích bề mặt là 510 triệu km².
- Nhờ có kích thước và khối lượng đủ lớn, Trái Đất đã tạo ra lực hút giữ được các chất khí làm thành lớp vỏ khí bảo vệ mình.

Bài 1: Khi đứng ở bờ biển quan sát một con tàu từ xa vào bờ, đầu tiên ta chỉ nhìn thấy ống khói, sau đó là một phần thân tàu, cuối cùng ta mới nhìn thấy toàn bộ con tàu. Dựa vào kiến thức về hình dạng của Trái Đất để giải thích hiện tượng đó.

Bài 2: Tại sao người ta phải xây dựng các đài quan sát ở ven biển? Kể tên ba đài quan sát ven biển của nước ta.

Bài 3: Giả sử có người sinh sống ở hành tinh khác, em hãy viết một lá thư khoảng 10 dòng giới thiệu về Trái Đất của chúng ta với họ.

→ Gợi ý trả lời:

+ Bài 1: Do Trái Đất hình cầu, nên khi đứng ở trên biển quan sát một con tàu từ xa vào bờ, đầu tiên ta chỉ thấy điểm cao nhất của con tàu (ống khói), sau đó là điểm ở giữa, thấp hơn ống khói, tức là thân tàu. Khi con tàu tới gần, chúng ta mới có thể nhìn thấy toàn bộ con tàu.

+ Bài 2: Xây dựng các đài quan sát trên biển với mục đích mở rộng tầm nhìn ngoài khơi xa, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biển Việt Nam.

Một số đài quan sát ven biển nước ta: Kê Gà (tỉnh Bình Thuận), Đại Lãnh (tỉnh Phú Yên), Hòn Dấu (thành phố Hải Phòng)...

Họ tên:

Ngày:



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 THẢO LUẬN NHÓM

Thời gian: 5 phút

A. HÌNH DẠNG TRÁI ĐẤT



Trước kia, người ta tin rằng Trái Đất là một mặt phẳng.

Các nhà thiên văn học
Pi-ta-go:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Các nhà thiên văn học
Ga-li-lê:

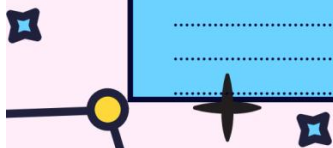
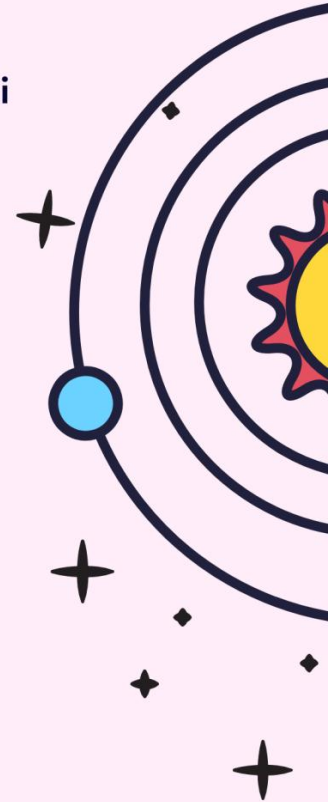
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Cô-lôm-bô:

.....
.....
.....
.....

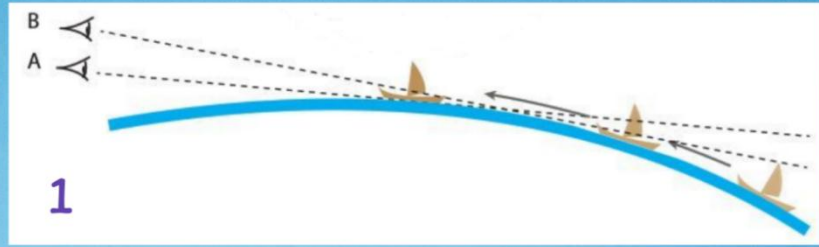
Niu-tơn:

.....
.....
.....
.....



Nhiều quan sát trong thiên nhiên cho phép kết luận hình dạng Trái Đất là hình cầu. Hãy cùng tìm hiểu thêm về điều đó bằng các ví dụ dưới đây :

1. Khi quan sát chiếc thuyền buồm từ xa khi vào bờ, ta có thể thấy rõ con thuyền từ xa đến gần ở điểm nhìn A hay B ?



Trả lời:

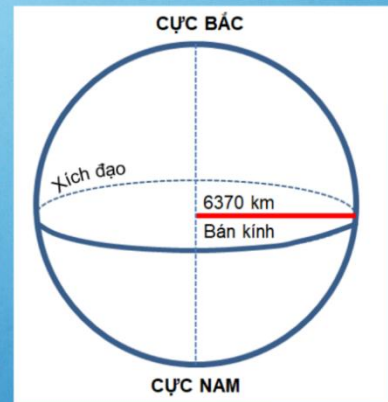
2. Hãy quan sát bóng của Trái Đất che Mặt Trăng vào đêm Nguyệt thực từ trái qua phải và cho biết hình dáng của Trái Đất.



Trả lời:

B. KÍCH THƯỚC TRÁI ĐẤT

- Dựa vào hình vẽ sau, em hãy xác định :
- Bán kính đường Xích đạo của Trái Đất:
 - Đường kính đường xích đạo của Trái Đất:
 - Diện tích bề mặt của Trái Đất:



KẾT LUẬN

- Hình dạng:
 - Kích thước:
 - Ý nghĩa:
-

BÀI GHI LỚP 6 MÔN GDCD

Tuần 8 (25/10 -30/10/21)

BÀI 3: SIÊNG NĂNG – KIÊN TRÌ (TIẾT 2)

I. Thông tin – sự kiện: HS đọc và phân tích thông tin trong SGK

II. Nội dung bài học:

c/ Ý nghĩa:

- Siêng năng- kiên trì giúp con người có thêm sức mạnh, nghị lực, sáng tạo.
- Thành công trên mọi lĩnh vực, làm nên sự nghiệp lớn.
- Là đức tính tốt đẹp, được mọi người yêu mến, quý trọng...

d/ Rèn luyện:

- Chủ động, tự giác học tập, tham gia các hoạt động tập thể.
- Siêng năng, kiên trì: em cần học tập chuyên cần, chăm chỉ rèn luyện kỹ năng sống, không ngừng hoàn thiện hành vi, thái độ và sự ứng xử trước những khó khăn và thách thức.

III. Luyện tập :

- HS làm các bài tập SGK
- Xử lý bài tập tình huống

IV. Dặn dò:

- Học phần nội dung bài học.
- Làm Bài tập / SGK
- Chuẩn bị tiết 2.

BÀI TẬP

Câu hỏi:

1/ Xử lý tình huống:

a/ Vào năm học mới, Hoa đặt mục tiêu trở thành học sinh giỏi toán. Vì vậy, bạn luôn cố gắng giải thêm các bài tập kho. Một lần, thấy Hoa đang loay hoay tìm lời giải cho một bài toán khó, Mai đưa cho Hoa cuốn sách *Giải bài tập Toán 6* và nói: “*Cậu chép đi cho nhanh, việc gì phải tốn thời gian suy nghĩ.*”

Câu hỏi: Em có đồng ý với ý kiến của Mai không? Vì sao?

b/ Hai tháng nữa là đến Hội khoẻ Phù Đổng toàn trường, Minh muốn thử sức ở cự li chạy 1000m dành cho nam. Hoàng khuyên: “*Minh không nên tham gia vì ở trường có rất nhiều người chạy nhanh lắm.*”

Câu hỏi: Em sẽ đưa ra lời khuyên với Hoàng như thế nào?

2/ Liên hệ bản thân:

- Hãy liệt kê những việc em làm hằng ngày. Em thấy mình đã siêng năng chưa? Vì sao?
- Em đã từng nỗ lực hết sức vượt qua khó khăn để kiên trì hoàn thành một công việc hay chưa? Nếu có, hãy chia sẻ về điều đó với mọi người ?

3/ Vận dụng:

- Em hãy tìm câu chuyện kể về sự siêng năng, kiên trì của một bạn cùng tuổi mà em biết. Sau đó, chia sẻ với bạn thân hoặc viết đăng trên báo tường của lớp.
- Em hãy trồng một hạt giống bất kì, chăm sóc và theo dõi sự trưởng thành của cây. Sau đó, chia sẻ niềm vui với người thân, bạn bè. Từ đó, tiếp tục thử nghiệm gieo trồng nhiều hạt giống hơn dựa trên điều kiện của gia đình, lớp học.

Trường THCS Trần Văn Quang

Tuần 8 (Từ 25/10 đến 30/10/2021)

Môn : Công nghệ 6

DỰ ÁN 1 : MÓN ĂN CHO BỮA CƠM GIA ĐÌNH

HS tham gia tiết báo cáo dự án và ghi vào vở các nội dung sau:

- HS ghi lại các món ăn cho bữa cơm gia đình mà nhóm mình thực hiện .
- Ghi nhận góp ý của giáo viên và các bạn

Hướng dẫn báo cáo dự án của từng nhóm

(HS KHÔNG ghi vào vở nội dung dưới đây)

DỰ ÁN 1 : MÓN ĂN CHO BỮA CƠM GIA ĐÌNH

NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN

- ❖ Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí có những yêu cầu gì ?
- ❖ Món ăn kèm trong bữa cơm gia đình thường là những món gì ?
- ❖ Bữa ăn dinh dưỡng của nhóm em xây dựng gồm những món ăn nào?
- ❖ Món ăn mà nhóm định thực hiện là món gì ?
- ❖ Nguyên liệu và cách chế biến món ăn đó như thế nào ?
- ❖ Màu sắc, mùi, vị, trạng thái của món ăn như thế nào là đạt yêu cầu kĩ thuật ?

BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN CỦA NHÓM

- Xây dựng một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình, trong đó có món ăn được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt.
- Trình bày những nguyên liệu cần sử dụng và cách thực hiện món ăn đó.
 - Sơ chế, chế biến và trình bày món ăn
 - Sản phẩm: báo cáo Power Point

MĨ THUẬT 6 Tuần 8

Bài 4: THIỆP CHÚC MỪNG (TIẾT 2)

4. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ:



- Thiệp em yêu thích.
- Cách sắp xếp bố cục thiệp.
- Màu sắc và nội dung thiệp.
- Hoàn thiện

5. Tìm hiểu ứng dụng của thiệp chúc mừng trong đời sống.

- Sử dụng thiệp khi nào.
- Em sẽ sử dụng thiệp vào việc gì.

MÔN ÂM NHẠC – NGHỆ THUẬT 6

Lớp 6 / Tuần 8: Từ ngày 25/10 đến 30/10/2021.

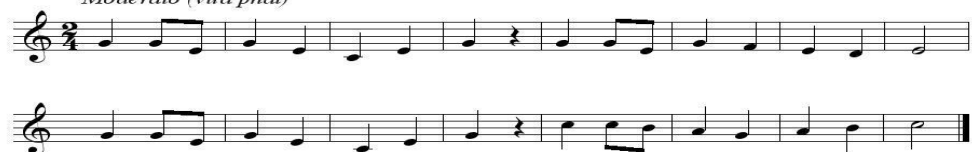
Tiết 8: Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 2.



ĐỌC NHẠC

Bài đọc nhạc số 2

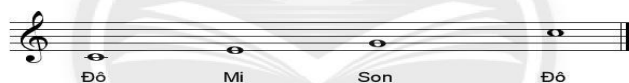
Moderato (vừa phải)



1. Tìm hiểu và nhận xét Bài đọc nhạc số 2
2. Đọc gam Đô trưởng và quãng 2 (theo trang 9)
3. Đọc quãng 3 dựa theo gam Đô trưởng (đi lên và đi xuống)



4. Đọc các âm ổn định của gam Đô trưởng



5. Luyện tập âm hình tiết tấu



6. Đọc Bài đọc nhạc số 2 với tốc độ vừa phải



Bài đọc nhạc số 2

Moderato (vừa phải)



- Bài đọc nhạc viết nhịp 2

4

- Cao độ: C,E,G,A...

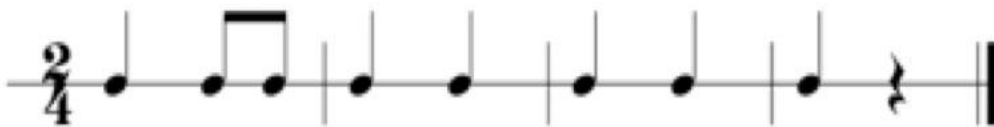
- Trường độ nốt: móc ,đơn, nốt đen, nốt trắng.

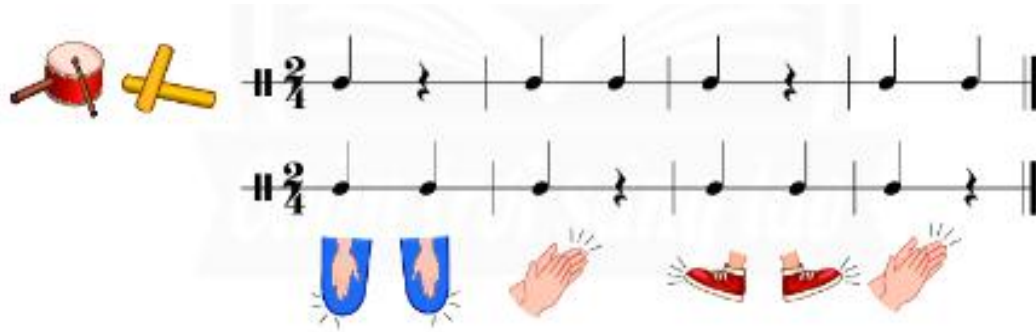
Trường độ:

Độ ngân dài, ngắn của âm thanh.

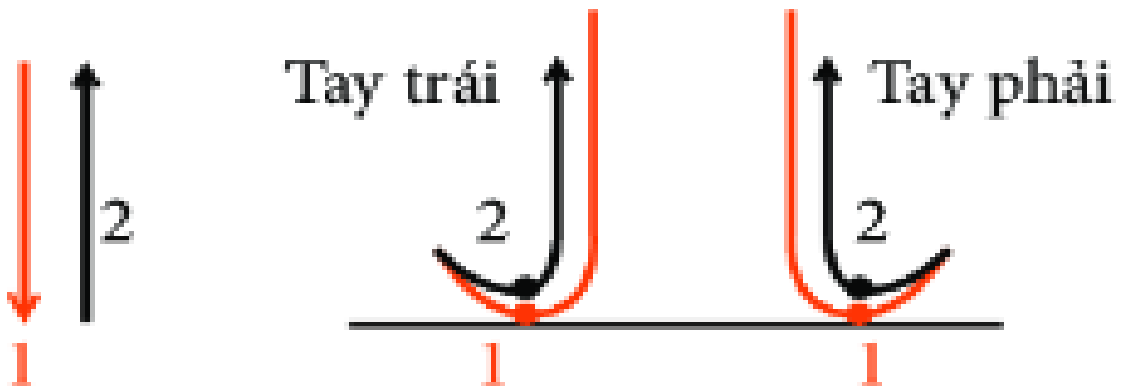


- Luyện tập âm hình tiết tấu:





- Cách đánh nhịp 2
4



TIN HỌC 6

TUẦN 7 (24/10/2021 ĐẾN 3/10/2021)

CHỦ ĐỀ B. MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

BÀI 3. MẠNG CÓ DÂY VÀ MẠNG KHÔNG DÂY

1. Mạng có dây

- Mạng có dây là loại mạng sử dụng dây cáp để truyền dữ liệu.
- Switch là thiết bị để kết nối cơ bản.

2. Mạng không dây

- Mạng không dây là loại mạng máy tính sử dụng sóng điện từ để truyền thông tin.
- Thiết bị cơ bản của mạng không dây là Access Point.